

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Khám phá được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Lí giải được các điều kiện để xác định quốc tịch Việt Nam, công dân Việt Nam.

2. Về năng lực

Năng lực tự chủ.

3. Về phẩm chất

– Trách nhiệm.

– Nhân ái.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tài liệu: SGK, SGV, SBT, Hiến pháp năm 2013, Luật Quốc tịch năm 2008, sửa đổi, bổ sung 2014.

– Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

+ Các tranh thể hiện mối quan hệ giữa nhà nước và công dân như: mô phỏng giấy khai sinh; mô phỏng căn cước công dân.

2. Học sinh

Tài liệu: SGK, SBT, Luật Quốc tịch năm 2008, sửa đổi, bổ sung 2014. Mỗi HS chuẩn bị thông tin về 01 tấm gương công dân Việt Nam tiêu biểu, giới thiệu thông tin về các tấm gương đó trên tấm thiệp nhỏ có trang trí.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS. HS huy động những kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để giải thích và kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới. Tạo ra mâu thuẫn trong nhận thức đối với HS, cho biết dựa vào đâu để xác định được ai là công dân Việt Nam.

b) Nội dung: Em hãy quan sát các bạn dưới đây và đoán xem bạn nào là công dân Việt Nam, bạn nào không phải là công dân Việt Nam? Vì sao?

c) Sản phẩm: HS biết được nếu chỉ căn cứ vào màu da, tên và trang phục thì chưa đủ để xác định chính xác bạn nào là công dân Việt Nam. Muốn xác định chắc chắn thì cần căn cứ vào các quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 1 phút, quan sát tranh về các bạn Nam, Peter, Sùng Nhi, Anna, Hoa và Jim trong SGK tr. 34 để xác định bạn nào là công dân Việt Nam, bạn nào không phải là công dân Việt Nam.

– HS có thể thảo luận cặp đôi với bạn bên cạnh.

* Thực hiện nhiệm vụ:

– GV chiếu các hình ảnh lên máy chiếu và mời HS trả lời.

– GV có thể chiếu các hình ảnh trong SGK tr. 34 lên máy chiếu để tất cả HS trong lớp cùng theo dõi tập trung.

– GV đặt câu hỏi: Theo em, trong những bạn trên, bạn nào là công dân Việt Nam? Bạn nào không phải là công dân Việt Nam? Vì sao?

* Tổ chức, điều hành:

– GV mời đại diện 2 đến 3 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

– HS có thể có nhiều ý kiến khác nhau vì dựa trên những căn cứ như màu da, tên gọi, trang phục,...

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

Gợi ý thêm: Tùy vào không khí lớp học và điều kiện cơ sở vật chất, trước khi tổ chức hoạt động khởi động này, GV có thể cho HS nghe bài hát “Việt Nam ơi” hoặc chiếu một số hình ảnh về đất nước Việt Nam để khơi dậy lòng tự hào dân tộc trong HS.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu thông tin

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm công dân Việt Nam và căn cứ xác định công dân Việt Nam.

b) Nội dung: Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi trong SGK tr. 35.

c) Sản phẩm: HS biết được thông thường công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam. Tuy nhiên, Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014, tại điều 4 về nguyên tắc quốc tịch quy định “Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp Luật này có quy định khác.”, như vậy công dân Việt Nam cũng có thể có 2 hoặc nhiều quốc tịch. Ví dụ: trường hợp người Việt Nam lấy chồng, hoặc vợ là người nước ngoài, định cư ở nước ngoài, đủ điều kiện nhập quốc tịch nước ngoài nhưng

chưa thôi quốc tịch Việt Nam. Có những trường hợp là người không có quốc tịch do bị tước quốc tịch hoặc chưa đủ điều kiện nhập quốc tịch.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin 1 trong SGK tr. 36 để trả lời các câu hỏi:

- Căn cứ để xác định công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?
- Căn cứ nào để xác định một người có quốc tịch Việt Nam?

* Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức cho HS trả lời từng câu hỏi. Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

* Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện HS trả lời và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát HS thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định HS trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Gợi ý thêm:

- GV có thể giải thích thêm về quốc tịch để HS hiểu hơn.
- GV có thể mở rộng kiến thức cho HS qua các câu hỏi sau:
 - + Công dân Việt Nam chỉ có duy nhất một quốc tịch Việt Nam hay có thể có nhiều quốc tịch?
 - + Nếu cho rằng công dân Việt Nam có thể có nhiều quốc tịch, hãy nêu ra một vài ví dụ cụ thể?
 - + Theo em, có người nào không có quốc tịch hay không?

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu giấy tờ xác định quốc tịch

a) Mục tiêu: HS chỉ ra được thông tin nào trên giấy khai sinh cho biết mình là công dân Việt Nam hay không phải là công dân Việt Nam.

b) Nội dung: Em hãy quan sát hình ảnh trong SGK tr. 36 và trả lời câu hỏi: “Thông tin nào trong các giấy tờ trong SGK tr. 36 cho biết đó là Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?”.

c) Sản phẩm: HS biết cách đọc thông tin xác định công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên các loại giấy tờ như giấy khai sinh, căn cước công dân, hộ chiếu,...

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát hình ảnh mô phỏng về giấy khai sinh trong SGK tr. 36 và trả lời câu hỏi.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời.

* Kết luận, đánh giá:

– Gợi ý câu trả lời: Dựa vào thông tin về “Quốc tịch” ghi trong giấy khai sinh để làm căn cứ pháp lí xác định ai là công dân Việt Nam.

– GV giải thích thêm về tầm quan trọng của giấy khai sinh, thủ tục làm giấy khai sinh để HS có ý thức tôn trọng pháp luật, giữ gìn giấy khai sinh cẩn thận.

– GV cũng khẳng định thêm cho HS, trẻ em có quyền được khai sinh và có quốc tịch, HS sẽ được tìm hiểu ở chủ đề về quyền trẻ em.

* GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

– Vậy những trường hợp nào sẽ có quốc tịch Việt Nam, điều kiện để có quốc tịch Việt Nam là gì? Chúng ta sẽ cùng khám phá trong hoạt động tiếp theo.

Nhiệm vụ 3. Tìm hiểu Luật Quốc tịch

a) Mục tiêu: HS chỉ ra được một số căn cứ để xác định người có quốc tịch Việt Nam theo quy định của *Luật Quốc tịch năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014*.

b) Nội dung: Tìm hiểu Điều 15, 16, 17, 18, 35 và 37 của Luật Quốc tịch năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 và xác định các điều kiện để có quốc tịch Việt Nam của một vài bạn trong SGK tr. 37.

c) Sản phẩm: HS nêu lên được các cách xác định người có quốc tịch Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu HS thảo luận tìm hiểu Điều 15, 16, 17, 18, 19 Luật Quốc tịch năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thảo luận nhóm.

* Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện nhóm HS trả lời và các nhóm nhận xét.

Gợi ý câu trả lời:

– Sùng Nhi có bố mẹ đều là công dân Việt Nam, bạn được sinh ra và lớn lên ở Việt Nam nên có quốc tịch Việt Nam.

– Peter cũng là công dân Việt Nam vì bạn được sinh ra và lớn lên ở Việt Nam, bố mẹ bạn là người không quốc tịch nhưng thường trú ở Việt Nam.

– Hoa là công dân Việt Nam vì sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam và không rõ cha mẹ là ai.

– Jim có thể là công dân Việt Nam vì có bố mẹ đều là người có quốc tịch Việt Nam.

* Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

- Công dân là một cá nhân hoặc một con người cụ thể mang quốc tịch của một quốc gia, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.
- Quốc tịch là căn cứ xác định công dân của một nước. Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam.
- Công dân Việt Nam có quyền và nghĩa vụ đối với Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; được Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo vệ và bảo đảm việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

Nhiệm vụ 1. Xử lý tình huống

a) Mục tiêu: HS dựa vào các kiến thức đã kiến tạo được để xử lý các tình huống cụ thể và xác định được ai là công dân Việt Nam trong những tình huống đó.

b) Nội dung: Em hãy đọc và thảo luận các tình huống trong SGK tr. 37, 38.

c) Sản phẩm: HS biết được Hậu là công dân Việt Nam, vì Hậu được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam, bố mẹ Hậu ban đầu là người không quốc tịch nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam (tỉnh Thanh Hoá). Lisa là công dân Việt Nam, vì Lisa khi sinh ra có bố mẹ đều là công dân Việt Nam. Bé Hải Phong vẫn là công dân Việt Nam do sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam và cha mẹ có nơi thường trú tại Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện:

* GV tổ chức cho HS đọc tình huống 1 trong SGK tr. 37 để trả lời câu hỏi.

Theo em, Hậu có phải là công dân Việt Nam không? Vì sao?

* GV mời 1 – 2 HS trả lời.

* GV nhận xét ý kiến.

* GV tổ chức cho HS đọc tình huống 2 trong SGK tr. 38 để trả lời câu hỏi.

Em có đồng ý với ý kiến của một số bạn lớp 6B không? Vì sao?

* GV mời 1 – 2 HS trả lời.

* GV nhận xét ý kiến.

* GV tổ chức cho HS đọc tình huống 3 trong SGK tr. 38 để trả lời câu hỏi.

Theo em, bé Hải Phong có phải là công dân Việt Nam không? Vì sao?

* GV mời 1 – 2 HS trả lời.

* GV nhận xét ý kiến.

* GV nhận xét, khích lệ những HS tích cực và hiểu bài học. Động viên những HS khác tham gia tích cực hơn vào các hoạt động học tập.

Nhiệm vụ 2. Tấm gương công dân Việt Nam

a) Mục tiêu: HS thể hiện được lòng tự hào là công dân Việt Nam.

b) Nội dung: Chia sẻ tấm gương công dân Việt Nam tiêu biểu.

c) Sản phẩm: HS có thể chuẩn bị được những bài thuyết trình, sản phẩm trang trí về tấm gương công dân Việt Nam tiêu biểu.

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ:** GV tổ chức cho HS tổng hợp thông tin về tấm gương công dân Việt Nam tiêu biểu đã chuẩn bị lên không gian lớp học theo kĩ thuật phòng tranh (có thể lựa chọn cách trang trí sáng tạo). Sau đó yêu cầu HS lần lượt đi quan sát sản phẩm của tất cả các bạn và cùng nhau trao đổi.

Lưu ý: HS có thể lựa chọn 1 hay nhiều tấm gương công dân Việt Nam để chia sẻ nhưng phải nhấn mạnh được hành động/việc làm thể hiện được niềm tự hào của HS dành cho công dân đó.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS tổng hợp thông tin và thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV tổ chức cho 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

* Kết luận, đánh giá:

– GV nhận xét và rút ra ý nghĩa bài học.

– GV tổng kết bài học.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

Nhiệm vụ 1. Thuyết trình ngắn

a) Mục tiêu: HS vận dụng để thể hiện lòng tự hào là công dân Việt Nam.

b) Nội dung: Em hãy viết khoảng 100 từ về chủ đề “Tôi là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

c) Sản phẩm: Bài viết ngắn của HS về chủ đề: “Tôi là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

d) Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS viết khoảng 100 từ về chủ đề “Tôi là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** GV dành thời gian khoảng 2 phút cho HS suy nghĩ và viết bài.

* **Tổ chức, điều hành:** GV mời 2 – 3 HS trình bày.

* **Kết luận, đánh giá:** GV kết luận.

Nhiệm vụ 2. Hành động của em

a) Mục tiêu: HS thể hiện được lòng tự hào là công dân Việt Nam.

b) Nội dung: Câu thơ trong SGK tr. 38 thể hiện sự tự hào về quê hương, đất nước, con người Việt Nam. Là HS, em cần làm gì để trở thành một công dân có ích?

c) Sản phẩm: HS vận dụng những hành động cụ thể để trở thành một công dân có ích.

d) Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ đọc câu thơ, trả lời câu hỏi SGK tr. 38 và cho HS làm việc cá nhân.

* Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện yêu cầu.

* Tổ chức, điều hành: GV mời 1--2 HS phát biểu trả lời.

* Kết luận, đánh giá: GV nhận xét câu trả lời của HS và kết luận.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

– Nêu được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Hiểu được các điều kiện để xác định quốc tịch Việt Nam, công dân Việt Nam.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hiểu rõ được các điều kiện để xác định quốc tịch Việt Nam, công dân Việt Nam. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhưng chưa đầy đủ. Hiểu một cách cơ bản về các điều kiện để xác định quốc tịch Việt Nam, công dân Việt Nam. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chưa hiểu về các điều kiện để xác định quốc tịch Việt Nam, công dân Việt Nam. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành khi điểm số dưới 5 điểm.